

Số: 583/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo
của Việt Nam đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các thị trường khu vực thời kỳ 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1684/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về “Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Tờ trình số 8509/TTr-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030 (dưới đây viết tắt là Chiến lược) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM CHIẾN LƯỢC

1. Nâng cao hiệu quả và xuất khẩu gạo bền vững, giảm về lượng và tăng về chất, duy trì ổn định, nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy xuất khẩu gạo chất lượng cao và các sản phẩm chế biến từ gạo, góp phần tiêu thụ hết thóc, gạo hàng hóa với giá có lợi cho người nông dân, nâng cao thu nhập của người nông dân, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh lương thực trong nước, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Phát triển thị trường xuất khẩu gạo theo hướng đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc vào một số thị trường nhất định phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế về kinh tế và hợp tác quốc tế về đầu tư sản xuất, chế biến, xuất khẩu gạo; khai thác cơ hội, tiềm năng, lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Xuất khẩu gạo gắn với phát triển gạo có thương hiệu, nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam rice trên thị trường thế giới, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, phù hợp với xu hướng nhu cầu, yêu cầu, thị hiếu tiêu thụ của từng thị trường; nâng cao năng lực cạnh tranh của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo Việt Nam, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, xuất khẩu; xây dựng ngành sản xuất gạo của đất nước theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, lấy năng suất, chất lượng là tiêu chí hàng đầu.

4. Cụ thể hóa và gắn với việc thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030; Chiến lược Hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030; Đề án phát triển các thị trường khu vực thời kỳ 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu gạo với quy mô, cơ cấu thị trường, cơ cấu sản phẩm xuất khẩu hợp lý, ổn định, bền vững và hiệu quả; củng cố các thị trường xuất khẩu truyền thống, trọng điểm và phát triển các thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng, các thị trường FTA; gia tăng thị phần gạo Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu, đặc biệt thị trường các nước phát triển.

- Gắn thị trường xuất khẩu với sản xuất trong nước theo chuỗi giá trị, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm gạo xuất khẩu; tăng cường đưa sản phẩm gạo Việt Nam và các mặt hàng chế biến từ gạo vào các kênh phân phối trực tiếp tại các thị trường; xuất khẩu gạo và các mặt hàng chế biến từ gạo có chất lượng cao và giá trị cao, nâng cao giá trị, đảm bảo hiệu quả xuất khẩu bền vững, khẳng định uy tín và thương hiệu gạo Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng giá trị gia tăng, nâng cao giá trị gạo xuất khẩu, giảm khối lượng xuất khẩu đến năm 2030 xuống còn khoảng 4 triệu tấn với kim ngạch tương đương khoảng 2,62 tỷ USD, giảm khối lượng nên nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2023 - 2025 giảm khoảng 2,4% và giai đoạn 2026 - 2030 giảm khoảng 3,6%.

b) Chuyển dịch cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu

- Trong giai đoạn 2023 - 2025, tỷ trọng gạo trắng phẩm cấp thấp và trung bình chiếm không quá 15%; gạo trắng phẩm cấp cao chiếm khoảng 20%; gạo thơm, gạo japonica, gạo đặc sản chiếm khoảng 40%; gạo nếp chiếm khoảng 20%; các sản phẩm gạo có giá trị gia tăng cao như gạo dinh dưỡng, gạo đồ, gạo hữu cơ, bột gạo, sản phẩm chế biến từ gạo, cám gạo và một số phụ phẩm khác từ lúa gạo chiếm khoảng 5%. Phần đầu tỷ lệ gạo xuất khẩu có thương hiệu trên 20%.

- Trong giai đoạn 2026 - 2030, tỷ trọng gạo trắng phẩm cấp thấp và trung bình chiếm không quá 10%; gạo trắng phẩm cấp cao chiếm khoảng 15%; gạo thơm, gạo japonica, gạo đặc sản chiếm khoảng 45%; gạo nếp chiếm khoảng 20%; các sản phẩm gạo có giá trị gia tăng cao như gạo dinh dưỡng, gạo đồ, gạo hữu cơ, bột gạo, sản phẩm chế biến từ gạo, cám gạo và một số phụ phẩm khác từ lúa gạo chiếm khoảng 10%. Phần đầu tỷ lệ gạo xuất khẩu có thương hiệu trên 40%.

c) Tỷ lệ gạo xuất khẩu trực tiếp mang thương hiệu gạo Việt Nam vào các thị trường

- Tăng tỷ lệ gạo xuất khẩu trực tiếp vào các hệ thống phân phối của các thị trường lên khoảng 60%; nâng cao hiệu quả xuất khẩu qua kênh trung gian, nhất là đối với các thị trường không thuận lợi trong vận chuyển và thanh toán.

- Phần đầu đạt khoảng 25% gạo xuất khẩu trực tiếp mang nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam rice vào năm 2030.

d) Cơ cấu thị trường điều chỉnh phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu và xu thế diễn biến thị trường gạo thế giới

- Đến năm 2025, thị trường châu Á chiếm tỷ trọng khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo, thị trường châu Phi chiếm khoảng 22%, thị trường Trung Đông chiếm khoảng 4%, thị trường châu Âu chiếm khoảng 3%, thị trường châu Mỹ chiếm khoảng 7%, thị trường châu Đại Dương chiếm khoảng 4%.

- Đến năm 2030, thị trường châu Á chiếm tỷ trọng khoảng 55% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo, thị trường châu Phi chiếm khoảng 23%, thị trường Trung Đông chiếm khoảng 5%, thị trường châu Âu chiếm khoảng 5%, thị trường châu Mỹ chiếm khoảng 8%, thị trường châu Đại Dương chiếm khoảng 4%.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

1. Định hướng chung

- Chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng bền vững, khai thác hiệu quả nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường trọng điểm, truyền thống, đồng thời chú trọng phát triển các thị trường có nhu cầu nhập khẩu gạo chất lượng, giá trị cao và các sản phẩm chế biến từ thóc, gạo, các thị trường có quan hệ đối tác bền vững về thương mại và đầu tư, các thị trường FTA.

- Tận dụng lợi thế cạnh tranh để củng cố vị thế và khai thác hiệu quả các thị trường gần, thị trường truyền thống, trọng điểm có nhu cầu nhập khẩu gạo phù hợp với điều kiện sản xuất hiện tại; phát triển các thị trường mới, thị trường tiềm năng, tăng tỷ trọng các thị trường nhập khẩu gạo chất lượng, giá trị gia tăng cao; tăng xuất khẩu vào các thị trường FTA có dành ưu đãi cho mặt hàng gạo; từng bước giảm tỷ trọng các thị trường nhập khẩu gạo có chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả thấp, không ổn định; tận dụng tốt các ngạch thị trường phù hợp tại tất cả các khu vực thị trường.

- Giữ tỷ trọng gạo trắng, hạt dài phẩm cấp cao ở mức hợp lý (khoảng từ 15 - 20%), giảm tỷ trọng gạo phẩm cấp trung bình và thấp; tăng tỷ trọng gạo thơm, gạo đỏ, gạo Japonica, gạo hữu cơ; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ lúa gạo, gạo có vi chất dinh dưỡng, bột gạo, mỹ phẩm từ gạo.

2. Định hướng phát triển các thị trường cụ thể

a) Thị trường châu Á



- Thị trường Đông Bắc Á: Phân đấu tăng thị phần gạo Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu gạo của Hàn Quốc từ 8,7% năm 2021 lên khoảng 20% năm 2025 và khoảng 23% năm 2030; thị phần vào thị trường Nhật Bản từ 0,1% năm 2021 lên khoảng 0,5% vào năm 2025 và khoảng 1% vào năm 2030.

- Thị trường Đông Nam Á: Giữ vững thị phần xuất khẩu gạo sang các nước trong khu vực, nhất là các thị trường chủ chốt như Philippines, Indonesia, Malaysia,...

- Tiếp tục củng cố, duy trì và phát triển thị phần tại các thị trường lớn, truyền thống nhất là thị trường Trung Quốc và các khu vực còn lại.

b) Thị trường châu Phi, Trung Đông

- Tăng cường quan hệ hợp tác về phát triển thị trường gạo với các nước, chú trọng việc đàm phán, ký kết các Bản ghi nhớ, thỏa thuận về thương mại gạo với các nước có nhu cầu nhập khẩu gạo. Đẩy mạnh thâm nhập các thị trường châu Phi, đặc biệt ở các nước có nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu gạo lớn. Tăng cường tổ chức các hội thảo, hội nghị chia sẻ thông tin, tư vấn cho các doanh nghiệp tăng cường trao đổi, kết nối, hiểu rõ hơn về tiềm năng, cơ hội, thách thức và những điều cần lưu ý khi hợp tác thương mại với khu vực thị trường châu Phi. Tổ chức các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm và giải pháp bền vững nhằm thúc đẩy tăng trưởng thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia khu vực châu Phi.

- Khai thác các kênh xuất khẩu gạo trắng chất lượng cao vào thị trường Ả rập Xê-út, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất. Phân đấu tăng thị phần gạo Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu gạo của Ả rập Xê-út từ 1,7% năm 2021 lên khoảng 8% vào năm 2025 và lên khoảng 10% vào năm 2030; thị phần vào thị trường Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất từ 7,1% năm 2021 lên khoảng 9% vào năm 2025 và khoảng 10% vào năm 2030.

- Phân đấu tăng thị phần gạo Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu gạo của thị trường Nam Phi từ 0,7% năm 2021 lên khoảng 1,5% vào năm 2025, khoảng 2% vào năm 2030; duy trì ổn định thị phần tại thị trường Ghana và Bờ Biển Ngà.

c) Thị trường châu Âu

- Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do với khu vực như EVFTA, UKVFTA, EAEU để tăng khối lượng gạo xuất khẩu vào khu vực, tương xứng với tiềm năng của thị trường.

- Phân đấu tăng thị phần gạo Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu gạo của Liên minh kinh tế Á - Âu: Thị phần tại thị trường Liên bang Nga tăng từ 1,6% năm 2021 lên khoảng 7% vào năm 2025, khoảng 10% năm 2030. Thị phần tại thị trường Bê-la-rút ổn định ở mức khoảng 25%.

- Phần đầu tăng thị phần tại một số nước châu Âu như: Pháp là từ 2,3% năm 2021 lên khoảng 2% vào năm 2025 và khoảng 3,5%; Đức từ 1,8% vào năm 2021 lên khoảng 2% năm 2025 và khoảng 2,5% vào năm 2030; Cộng hòa Séc từ 7,7% năm 2021 lên khoảng 8,5% năm 2025 và khoảng 10% vào năm 2030.

d) Thị trường châu Mỹ, châu Đại Dương

- Tập trung phát triển thị trường gạo Việt Nam tại các nước thành viên CPTPP (Canada, Chile, Mexico và Peru). Tiếp tục hỗ trợ Cuba ổn định thị trường gạo và phát triển sản xuất gạo tại chỗ trên cơ sở quan hệ truyền thống đặc biệt, thúc đẩy các hình thức đầu tư liên doanh phát triển sản xuất lúa gạo trên cơ sở khả thi, cùng có lợi.

- Phần đầu tăng thị phần tại thị trường Hoa Kỳ từ 1,5% năm 2021 lên khoảng 3% vào năm 2025, khoảng 5% vào năm 2030. Phần đầu tăng thị phần tại thị trường Mexico lên 0,2% vào năm 2025, khoảng 0,5% vào năm 2030; tại thị trường Haiti từ 6,5% năm 2021 lên khoảng 8% vào năm 2025, khoảng 10% vào năm 2030.

- Phần đầu tăng thị phần tại thị trường Úc từ 14% năm 2021 lên khoảng 16% vào năm 2025 và khoảng 19% vào năm 2030.

IV. GIẢI PHÁP

Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu ngày càng tăng và thương mại gạo thế giới đối mặt với nhiều diễn biến khó đoán định như thiên tai, dịch bệnh, xung đột quân sự, chiến tranh thương mại,... Để phát triển thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam, lấy nhu cầu thị hiếu của thị trường để định hướng cho sản xuất, xuất khẩu, các bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội và thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện thể chế

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển giống lúa, tăng tỷ lệ chế biến sâu các sản phẩm từ gạo, sử dụng hiệu quả thương hiệu gạo xuất khẩu và nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam rice.

- Hoàn thiện việc xây dựng các tiêu chuẩn về sản xuất, chế biến và xuất khẩu gạo về chất lượng sản phẩm và môi trường trong các cam kết hội nhập quốc tế; có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu chọn lọc, lai tạo giống lúa năng suất, chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu của thị trường; chú trọng phát triển các giống lúa cho sản phẩm gạo trắng chất lượng cao, gạo thơm, gạo hạt tròn, gạo nếp và một số giống lúa đặc sản vùng miền, khuyến cáo duy trì ở mức hợp lý diện tích canh tác giống lúa chất lượng trung bình và thấp phù hợp với nhu cầu của thị trường.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho nông dân và thương nhân tham gia phát triển chuỗi giá trị lúa gạo hiệu quả cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị gạo toàn cầu, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng sản xuất, xuất khẩu gạo bao gồm các chính sách đồng bộ phát triển dịch vụ logistics tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Có chính sách hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa những sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn cả trong nước (VGAP) lẫn tiêu chuẩn nhập khẩu của các thị trường yêu cầu cao về tiêu chuẩn như EU; nhân rộng điển hình chủng loại gạo được công nhận trên thế giới, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả thương hiệu gạo Việt Nam, hạn chế tình trạng sản phẩm gạo Việt Nam bị sử dụng thương hiệu nước ngoài tại các hệ thống phân phối ở nước ngoài.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế và phối hợp với ngân hàng trung ương các nước để triển khai các hình thức thanh toán phù hợp nhằm hỗ trợ hoạt động xuất khẩu gạo.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế điều hành quản lý hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo phù hợp với diễn biến tình hình thị trường, đạt hiệu quả xuất khẩu, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách khuyến khích thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo xây dựng vùng nguyên liệu, kết nối chuỗi sản xuất, chế biến, phân phối sản phẩm để tham gia vào chuỗi giá trị gạo toàn cầu với các sản phẩm gạo thương hiệu của Việt Nam có giá trị gia tăng cao, đưa sản phẩm gạo có thương hiệu vào các hệ thống phân phối của các nước.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án phát triển Thương hiệu gạo Việt Nam, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo, Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu và Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

2. Giải pháp về nguồn cung gạo

a) Thực hiện tái cơ cấu ngành lúa gạo, tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp và các định hướng giải pháp về sản xuất (định hướng quy hoạch, tổ chức sản xuất, cơ cấu giống, kỹ thuật canh tác, ứng dụng cơ giới hóa, cải tiến công nghệ sau thu hoạch, phát triển kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất - tiêu thụ,...) tạo nguồn

hàng có chất lượng cho xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng. Nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm gạo trong nước về chất lượng, áp dụng tiêu chuẩn mang tính đồng bộ, tận dụng lợi thế sản xuất theo quy mô, tăng cường quảng bá nâng cao thương hiệu.

- Triển khai hiệu quả các giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển giống lúa có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu, thích hợp thổ nhưỡng của từng vùng miền Việt Nam, giảm tác động tiêu cực với môi trường, phục tráng và duy trì các giống lúa đặc sản chất lượng cao nhằm phục vụ nhu cầu thị trường về gạo chất lượng. Từ đó phát triển thành thương hiệu gạo thân thiện môi trường để hướng tới các thị trường tiêu chuẩn cao, giá trị cao.

- Định hướng sản xuất, chú trọng điều chỉnh theo hướng tăng cường bảo quản, chế biến từng bước nâng cao và ổn định chất lượng gạo xuất khẩu, đảm bảo đáp ứng các quy định ngày càng khắt khe của các thị trường nhập khẩu về chất lượng, an toàn thực phẩm. Cụ thể: i) áp dụng các giải pháp đồng bộ để chấm dứt hiện tượng dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quy định tại các thị trường nhập khẩu; ii) tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, tránh để các nước có lý do gây bất lợi cho sản phẩm xuất khẩu; iii) hỗ trợ các thương nhân thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc trong trường hợp đối tác nhập khẩu có đề nghị.

- Xây dựng nhãn hiệu hàng hoá, chỉ dẫn địa lý sản phẩm lúa gạo; triển khai hiệu quả Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030, trong đó ưu tiên hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong và ngoài nước cho các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các nhãn hiệu liên quan đến sản phẩm gạo.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng (công nghệ sau thu hoạch, kho chứa bảo quản để đảm bảo sản phẩm); đầu tư phát triển mạnh hơn các loại gạo giá trị cao, đã tạo được hình ảnh thương hiệu như ST24, ST25,... nhằm tăng cường xuất khẩu các mặt hàng gạo thơm chất lượng cao.

- Các cơ sở sản xuất, thương nhân chủ động nắm bắt thông tin, thực hiện văn bản hướng dẫn, khuyến cáo của các bộ, ngành để tuân thủ nghiêm các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, quy định của thị trường nhập khẩu.

- Các bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam tích cực phối hợp tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền, định hướng thị trường; hỗ trợ nông dân, thương nhân trong công tác đảm bảo chất lượng, truy xuất nguồn gốc.

- Rà soát, đàm phán ký kết hiệp định, thỏa thuận về sự phù hợp và công nhận lẫn nhau về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm



với các thị trường tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu gạo Việt Nam làm cơ sở định hướng sản xuất và xuất khẩu.

- Hướng dẫn và tạo điều kiện thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hướng đến thực hiện sản xuất nông nghiệp xanh

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất: i) giảm phụ thuộc vào phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ảnh hưởng đến chất lượng thóc, gạo, gây ô nhiễm môi trường; ii) tăng năng suất và chất lượng của thóc, gạo, nâng giá xuất khẩu.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, ngăn chặn việc sử dụng đại trà thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy định nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu nhập khẩu của thị trường.

c) Quản lý và kiểm soát nhập khẩu gạo, đảm bảo sản xuất trong nước

Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng gạo nhập khẩu thông qua áp dụng các biện pháp phi thuế quan, hàng rào kỹ thuật, phòng vệ thương mại và hệ thống cảnh báo sớm.

3. Giải pháp về phía cầu

a) Công tác đàm phán, mở cửa thị trường

- Tăng cường, đẩy mạnh đàm phán song phương, đa phương nhằm đi đến ký kết các Hiệp định, thỏa thuận về sự phù hợp, công nhận lẫn nhau về kiểm dịch, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm với các thị trường trọng điểm nhằm tận dụng cơ hội mở cửa thị trường và lộ trình cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu mặt hàng gạo.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực thi các FTA để hỗ trợ thương nhân khai thác lợi ích của các FTA như nội luật hóa các cam kết.

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của các FTA, cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu gạo; nghiên cứu khả thi việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận ưu đãi thương mại với một số thị trường xuất khẩu tiềm năng; tận dụng tiến trình rà soát các Hiệp định đã được đưa vào thực thi để đề nghị các đối tác mở cửa thêm, gia tăng hạn ngạch cho gạo Việt Nam.

b) Tăng cường đổi mới công tác thông tin



- Nâng cao vai trò và đẩy mạnh hoạt động của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các Văn phòng Xúc tiến thương mại, Trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam trong giới thiệu, hỗ trợ thương nhân xuất khẩu gạo kết nối thương mại, phối hợp đẩy mạnh hơn nữa quảng bá thương hiệu và sản phẩm gạo Việt Nam tại các quốc gia, vùng lãnh thổ.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, đánh giá dự báo nhu cầu nhập khẩu, thị hiếu, tập quán tiêu dùng của người dân nước nhập khẩu (chủng loại, phẩm cấp, mục đích sử dụng), chính sách nhập khẩu và khả năng thực hiện xúc tiến thương mại gạo vào thị trường các nước nhập khẩu (an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc...); kịp thời cập nhật, thông tin cho Hiệp hội Lương thực Việt Nam, các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo định hướng kinh doanh, xuất khẩu và chủ động ngăn ngừa các vụ việc phát sinh tại các thị trường xuất khẩu gạo.

- Đẩy mạnh việc đưa mặt hàng gạo Việt Nam vào hệ thống phân phối nước ngoài và quảng bá sản phẩm gạo Việt Nam thông qua các kênh thương mại điện tử và hoạt động đối ngoại nhân dân.

- Thực hiện có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP để phát triển thị trường xuất khẩu gạo, trong đó tận dụng khả năng gạo xuất khẩu của Việt Nam có điều kiện thâm nhập các phân khúc gạo cao cấp, giá trị cao; hỗ trợ các hoạt động quốc tế quảng bá gạo Việt Nam.

4. Giải pháp về hỗ trợ xuất khẩu

a) Đẩy mạnh và đổi mới công tác xúc tiến thương mại

- Tiếp tục triển khai hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM) hỗ trợ các thương nhân kinh doanh gạo, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm gạo Việt Nam thông qua chương trình cấp quốc gia về XTTM, chương trình thương hiệu quốc gia và các chương trình, đề án liên quan của các bộ, ngành, địa phương. Tập trung hoạt động XTTM vào các thị trường trọng điểm, truyền thống và các thị trường mới, tiềm năng.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp XTTM truyền thống hiệu quả như tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại chuyên đề, quy định đăng ký và quản lý thương hiệu trong nước cũng như sản phẩm xuất khẩu, gắn thương hiệu với các sản phẩm chế biến từ gạo...; đồng thời, kết hợp đẩy mạnh triển khai các giải pháp XTTM mới và hiện đại thông qua các hình thức trực tuyến, áp dụng nền tảng số để thích nghi với bối cảnh mới.

- Xây dựng hệ thống thông tin, dự báo về tình hình thị trường để thương nhân và người dân có thông tin định hướng cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu; tổ chức lập cơ sở dữ liệu về các biện pháp kiểm dịch, an toàn thực phẩm tại các thị trường xuất khẩu chính, công bố để các thương nhân tham khảo; đồng thời

tổ chức theo dõi, cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu này để thương nhân chủ động kịp thời điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ thương nhân xuất khẩu gạo: i) thiết lập sự hiện diện thương mại trực tiếp ở các thị trường nước ngoài; ii) thiết lập kho chứa và hệ thống phân phối trực tiếp; iii) thiết lập bộ phận chuyên trách về tiếp thị lúa gạo nói riêng và nông sản nói chung sang các thị trường xuất khẩu trọng điểm; iv) thúc đẩy xuất khẩu các loại gạo chất lượng cao có giá trị gia tăng cao của Việt Nam với khối lượng nhỏ để thâm nhập các thị trường khó tính, thị trường ngách.

b) Đối với công tác ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại, những biện pháp bảo hộ quá mức, không phù hợp với cam kết quốc tế, gây khó khăn cho xuất khẩu gạo của Việt Nam

- Tăng cường cơ chế cảnh báo sớm cho các thương nhân để chủ động phòng tránh các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thương nhân cách ứng phó với các vụ kiện khi nước ngoài khởi động, giải thích và đấu tranh từ giai đoạn điều tra để giảm thiểu tác động bất lợi của biện pháp cuối cùng.

- Hướng dẫn và đồng hành cùng thương nhân trong việc đấu tranh và khởi kiện ra cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO các sắc thuế phòng vệ thương mại, các biện pháp bảo hộ bất hợp lý, vi phạm quy định của WTO.

- Rà soát và tăng cường áp dụng các biện pháp phòng chống gian lận thương mại, gian lận quy tắc xuất xứ để bảo vệ ngành lúa gạo của Việt Nam trước rủi ro của các vụ kiện chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

c) Đối với cơ sở hạ tầng, logistics, thương mại điện tử và chuyển đổi số

- Quy hoạch phát triển xây dựng hệ thống cảng biển, cửa khẩu để vận chuyển thóc, gạo hàng hóa và xuất khẩu trực tiếp. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ, đường sắt; quy hoạch phát triển xây dựng hệ thống cảng sông, cảng biển để vận chuyển thóc, gạo hàng hóa và xuất khẩu trực tiếp tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển dịch vụ logistics phục vụ xuất khẩu gạo tham gia vào hệ thống thương mại điện tử đang phát triển hiện nay, cải tiến đa dạng hóa các loại hình dịch vụ logistics, áp dụng công nghệ hiện đại về kỹ thuật và quản lý để giảm thời gian lưu tàu tại cảng, giảm chi phí bốc dỡ; có giải pháp giảm giá cước tàu và container; đẩy nhanh xã hội hóa hoạt động đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho dịch vụ logistics phục vụ xuất khẩu gạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ ngành xuất khẩu gạo; tăng cường năng lực các hệ thống hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ; hoàn thiện, tăng cường kết nối, tích hợp giữa hạ tầng thương mại điện tử với hạ tầng thanh toán.

- Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động XTMM của các tổ chức XTMM, thương nhân, hợp tác xã tham gia sản xuất, cung ứng, xuất khẩu gạo. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình Hỗ trợ chuyển đổi số trong thương nhân, hợp tác xã và hộ kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025 trong lĩnh vực sản xuất và chế biến gạo xuất khẩu.

- Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu; nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật trong quản lý, vận hành, đào tạo về chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics; khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến trong quá trình sản xuất, kinh doanh gạo, chú trọng triển khai các hoạt động logistics trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ mới trong logistics.

- Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, thương nhân; giữa hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với hội, hiệp hội logistics để tạo hiệu quả cao nhất trong nỗ lực chuyển đổi số.

5. Giải pháp về phát triển năng lực khối tư nhân

a) Nâng cao năng lực của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo

- Có định hướng phát triển sản phẩm, tiếp cận thị trường, phát triển hệ thống phân phối phù hợp với đặc thù của từng thị trường/khu vực thị trường mục tiêu; định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm gạo có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam tại thị trường/khu vực thị trường.

- Từng bước nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh; áp dụng các mô hình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong tổ chức sản xuất; nâng cao năng lực công tác thị trường, marketing quốc tế; nâng cao trình độ nghiệp vụ thương mại, năng lực đàm phán, ký kết thực hiện hợp đồng, xử lý tranh chấp thương mại quốc tế.

- Chủ động nắm bắt thông tin, thị hiếu và nhu cầu thị trường, quy định về tiêu chuẩn chất lượng và khuyến cáo của cơ quan chức năng; thay đổi một cách cơ bản về tư duy tiếp cận và nhìn nhận về tầm quan trọng của thị trường, phương thức giao dịch, tổ chức sản xuất; thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu để phối hợp truy xuất nguồn gốc khi có đề nghị của đối tác nhập khẩu.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh lâu dài, mạng lưới phân phối, thương hiệu, mẫu mã, bao bì dành riêng và đăng ký bảo hộ tại các thị trường; hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa của từng thị trường.

- Có giải pháp về xúc tiến thương mại bao gồm: nghiên cứu thị trường; tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm, thực hiện các chiến dịch quảng cáo, tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, lập văn phòng đại diện ở nước ngoài.

- Bên cạnh sự hỗ trợ của Nhà nước trong vấn đề thị trường, các thương nhân phải chủ động tìm khách hàng, đa dạng hóa khách hàng, và phương thức kinh doanh thích hợp để xâm nhập, duy trì và mở rộng chỗ đứng trên thị trường gạo thế giới; đồng thời cũng có thể thiết lập quan hệ với các tập đoàn xuyên quốc gia là những tổ chức kinh tế vững mạnh có tầm hoạt động rộng, sự am hiểu về thị trường và khả năng về vốn lớn để đảm bảo thị trường xuất khẩu ổn định.

b) Tăng cường vai trò của Hiệp hội Lương thực Việt Nam

- Tăng cường công tác thông tin diễn biến tình hình thị trường gạo thế giới cũng như nhu cầu của các đối tác truyền thống đến các thương nhân xuất khẩu gạo và các địa phương liên quan, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, góp phần tạo cơ sở định hướng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của thương nhân và của người sản xuất.

- Hỗ trợ, điều phối các thương nhân đầu mối tranh thủ cơ hội ký kết các hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung trong khuôn khổ các Bản Ghi nhớ về thương mại gạo đã ký với các nước và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Tăng cường phát triển tập hợp hội viên xây dựng vùng nguyên liệu để chủ động trong xuất khẩu gạo, phối hợp hành động nhằm chống ép giá, bán phá giá, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và uy tín của ngành gạo Việt Nam.

- Chủ động xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến thương mại vào các thị trường và cách tiếp cận đối với từng thị trường cụ thể. Căn cứ đặc điểm thị trường, phương thức kinh doanh, nhập khẩu của các đối tác, Hiệp hội Lương thực Việt Nam hỗ trợ, điều phối các thương nhân xuất khẩu gạo tiếp cận phù hợp, hiệu quả đối với từng thị trường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam và thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong tổ chức thực hiện Chiến lược. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan gửi Bộ Công Thương tổng hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

110

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái



Phụ lục

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 583 /QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	Hoàn thiện thể chế			
1	Hoàn thiện thể chế chính sách tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho nông dân và doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển giống lúa năng suất, chất lượng cao phù hợp yêu cầu thị trường đặc biệt giống lúa cho sản phẩm gạo trắng, gạo thơm, gạo hạt tròn và đặc sản, tăng tỷ lệ chế biến sâu các sản phẩm từ gạo tham gia chuỗi giá trị lúa gạo toàn cầu sử dụng hiệu quả thương hiệu và nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam rice; xây dựng các tiêu chuẩn về sản xuất, chế biến và chất lượng sản phẩm phù hợp với hội nhập quốc tế.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành trung ương; Hiệp hội Lương thực Việt Nam; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hàng năm
2	Hoàn thiện hệ thống chính sách thương mại, các quy định, tiêu chuẩn đối với việc xuất khẩu gạo phù hợp với hệ thống quy chuẩn về chất lượng, môi trường trong các cam kết Việt Nam tham gia.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Đến năm 2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
3	Hoàn thiện cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng sản xuất, xuất khẩu gạo bao gồm các chính sách đồng bộ phát triển dịch vụ logistics tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long.	Bộ Công Thương	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2025
4	Tiếp tục xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa những sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn cả trong nước (VGAP) lẫn tiêu chuẩn nhập khẩu của các thị trường yêu cầu cao về tiêu chuẩn như EU; nhân rộng điển hình sản phẩm gạo được công nhận trên thế giới, hạn chế tình trạng sản phẩm gạo của Việt Nam bị sử dụng thương hiệu tại các hệ thống phân phối ở nước ngoài.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Đến năm 2030
5	Xây dựng và hoàn thiện cơ chế hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế và phối hợp với ngân hàng trung ương các nước để triển khai các hình thức thanh toán phù hợp nhằm hỗ trợ hoạt động xuất khẩu gạo.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	Thường xuyên
II	Tạo nguồn cung có chất lượng cho xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm gạo trong nước, tăng cường quảng bá nâng cao thương hiệu.			

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
1	Xây dựng nhãn hiệu hàng hoá, chỉ dẫn địa lý sản phẩm lúa gạo; triển khai hiệu quả Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030, trong đó ưu tiên hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong và ngoài nước cho các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các nhãn hiệu liên quan đến sản phẩm gạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Đến năm 2025
2	Phát triển giống lúa có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu, thích hợp thổ nhưỡng của từng vùng miền Việt Nam, giảm tác động tiêu cực với môi trường, phục tráng và duy trì các giống lúa đặc sản chất lượng cao nhằm phục vụ nhu cầu thị trường về gạo chất lượng. Từ đó phát triển thành thương hiệu gạo thân thiện môi trường để hướng tới các thị trường tiêu chuẩn cao, giá trị cao.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
3	Định hướng nông dân và thương nhân sản xuất, chú trọng điều chỉnh theo hướng tăng cường bảo quản, chế biến đáp ứng các quy định nhập khẩu của các thị trường về chất lượng, an toàn thực phẩm: dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thường xuyên

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng (công nghệ sau thu hoạch, kho chứa bảo quản để đảm bảo sản phẩm); đầu tư phát triển mạnh hơn các loại gạo giá trị cao, đã tạo được thương hiệu như ST24, ST25,... nhằm tăng cường xuất khẩu các mặt hàng gạo thơm chất lượng cao, ưu tiên chất lượng hơn số lượng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
5	Chủ động nắm bắt thông tin để tổ chức triển khai các văn bản hướng dẫn, khuyến cáo của bộ, ngành để tuân thủ nghiêm các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, quy định của thị trường nhập khẩu cho các thương nhân xuất khẩu.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Các bộ, ngành trung ương	Thường xuyên
6	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thông tin, định hướng thị trường; hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong công tác đảm bảo chất lượng, truy xuất nguồn gốc.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hàng năm
7	Rà soát, đàm phán ký kết hiệp định, thỏa thuận về sự phù hợp và công nhận lẫn nhau về chất lượng sản phẩm, về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm với các thị trường tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu gạo Việt Nam và làm cơ sở định hướng sản xuất và xuất khẩu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thường xuyên

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
8	Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, giảm phụ thuộc vào phân bón và thuốc bảo vệ thực vật ảnh hưởng đến chất lượng gạo, gây ô nhiễm môi trường... nhằm tăng năng suất và chất lượng của gạo, nâng giá thành xuất khẩu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
III	Giải pháp về phía cầu			
1	Triển khai những công việc cần thiết để thực thi các FTA và hỗ trợ thương nhân khai thác lợi ích của các FTA như nội luật hóa các cam kết.	Các bộ, ngành trung ương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hàng năm
2	Tổ chức nghiên cứu, đánh giá tác động của các FTA, cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu gạo; nghiên cứu khả thi việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận ưu đãi thương mại với một số thị trường xuất khẩu tiềm năng; tận dụng tiến trình rà soát các Hiệp định đã được đưa vào thực thi để đề nghị các đối tác mở cửa thêm, gia tăng hạn ngạch cho gạo Việt Nam.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
3	Tăng cường, đẩy mạnh đàm phán song phương, đa phương nhằm đi đến ký kết các Hiệp định, thỏa thuận về sự phù hợp, công nhận lẫn nhau về kiểm dịch, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm với các thị trường trọng điểm nhằm tận dụng cơ hội mở cửa thị trường.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Nâng cao vai trò và đẩy mạnh hoạt động của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các Văn phòng Xúc tiến thương mại, Trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam trong giới thiệu, hỗ trợ thương nhân xuất khẩu gạo kết nối thương mại, phối hợp đẩy mạnh hơn nữa quảng bá thương hiệu và sản phẩm gạo Việt Nam tại các quốc gia, vùng lãnh thổ.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Ngoại giao	Đến năm 2030
5	Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, đánh giá dự báo nhu cầu nhập khẩu, nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng của người dân nước nhập khẩu (về chủng loại, phẩm cấp, mục đích sử dụng) và khả năng tiến hành XTTM gạo vào các thị trường nước nhập khẩu; kịp thời cập nhật, thông tin cho Hiệp hội Lương thực Việt Nam, các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để phục vụ cho định hướng kinh doanh, xuất khẩu và chủ động phối hợp, ngăn ngừa, giải quyết sớm các vụ việc phát sinh tại các thị trường xuất khẩu gạo.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Ngoại giao	Đến năm 2030
6	Đẩy mạnh việc đưa mặt hàng gạo Việt Nam vào hệ thống phân phối nước ngoài và quảng bá gạo Việt Nam thông qua các kênh trực tuyến khác nhau, các mạng xã hội, hoạt động đối ngoại nhân dân.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
IV	Giải pháp về hỗ trợ xuất khẩu			
1	Tiếp tục triển khai các giải pháp XTTM truyền thống kết hợp phương thức hiện đại thông qua áp dụng nền tảng số, trực tuyến để hỗ trợ các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm gạo Việt Nam tại thị trường thương mại gạo toàn cầu.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
2	Hỗ trợ thương nhân xuất khẩu gạo thiết lập sự hiện diện thương mại trực tiếp ở các thị trường nước ngoài; hỗ trợ thương nhân thiết lập kho chứa và phân phối trực tiếp; thiết lập bộ phận chuyên trách về tiếp thị lúa gạo nói riêng và nông sản nói chung để hỗ trợ thương nhân xuất khẩu như một số nước đã thực hiện; thúc đẩy xuất khẩu các loại gạo chất lượng cao có giá trị gia tăng cao của Việt Nam với khối lượng nhỏ để thâm nhập các thị trường khó tính, thị trường ngách.	Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thường xuyên
3	Hướng dẫn và đồng hành cùng thương nhân thiết lập cảnh báo, ứng phó và giải quyết với các biện pháp phòng vệ thương mại, những biện pháp bảo hộ quá mức, không phù hợp với cam kết quốc tế, gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thường xuyên

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Tiếp tục hoàn thiện phát triển xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động vận chuyên thóc, gạo hàng hóa và xuất khẩu trực tiếp tại vùng đồng bằng sông Cửu Long như: cảng biển, cửa khẩu, hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ, đường sắt, hệ thống sông....	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Công Thương, các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
5	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ ngành xuất khẩu gạo; tăng cường năng lực các hệ thống hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ; hoàn thiện, tăng cường kết nối, tích hợp giữa hạ tầng thương mại điện tử với hạ tầng thanh toán.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thường xuyên
6	Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu; nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật trong quản lý, vận hành, đào tạo về chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thường xuyên
V	Phát triển năng lực khối tư nhân			
1	Có định hướng phát triển sản phẩm, tiếp cận thị trường, phát triển hệ thống phân phối phù hợp với đặc thù của từng thị trường/khu vực thị trường mục tiêu; nâng cao năng lực cạnh tranh nội lực của thương nhân về sản phẩm, nguồn nhân lực, trình độ nghiệp vụ để sẵn sàng đối phó tranh chấp thương mại quốc tế khi phát sinh.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
2	Chủ động nắm bắt thông tin, thị hiếu và nhu cầu thị trường, quy định về tiêu chuẩn chất lượng và khuyến cáo của cơ quan chức năng; thay đổi một cách cơ bản về tư duy tiếp cận và nhìn nhận về tầm quan trọng của thị trường, phương thức giao dịch, tổ chức sản xuất; thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu để phối hợp truy xuất nguồn gốc khi có đề nghị của đối tác nhập khẩu.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo	Thường xuyên
3	Chủ động tìm kiếm đa dạng hóa khách hàng và phương thức kinh doanh thích hợp nhằm thiết lập quan hệ với các tập đoàn xuyên quốc gia để xâm nhập, duy trì và mở rộng chỗ đứng trên thị trường gạo thế giới.	Các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo	Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Thường xuyên
4	Tăng cường công tác thông tin diễn biến tình hình thị trường gạo thế giới cũng như nhu cầu của các đối tác truyền thống đến các thương nhân xuất khẩu gạo và các địa phương liên quan.	Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thường xuyên
5	Tăng cường phát triển tập hợp hội viên làm vùng nguyên liệu lớn để chủ động trong xuất khẩu gạo, phối hợp hành động nhằm chống ép giá, bán phá giá, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và uy tín của ngành gạo Việt Nam.	Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo	Thường xuyên

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
6	Chủ động đề xuất các chương trình xúc tiến thương mại vào các thị trường và cách tiếp cận đối với từng thị trường cụ thể góp phần quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm gạo Việt Nam.	Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo	Hàng năm
VI	Theo dõi tình hình thực hiện, báo cáo			
	Đầu mối theo dõi việc tổ chức triển khai nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030.	Bộ Công Thương	Bộ, ban, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo	Đến năm 2030